TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày 03-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Chí Linh.

Bà Nguyễn Minh Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Định - Thư ký Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh L, sinh ngày 24 tháng 6 năm 1983 tại Hải Phòng. Nơi ĐKNKTT: Số 104C/193 đường V, phường Đ, quận Hải An, Hải Phòng; nơi sinh sống: Số 100 đường H, phường V, quận Kiến An, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hắc H và bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ và 02 con nhỏ; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 16 tháng 01 năm 2018. Có mặt.

- *Bị hại:* Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ S; địa chỉ: Số 39 NBK, phường L, quận Ngô Quyền, Hải Phòng; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Phương N – Giám đốc. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Nguyễn Sỹ L. Vắng mặt.

Anh Phạm Tiến T. Vắng mặt.

Chị Phạm Thị Thu H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh L, Nguyễn Sỹ L và Phạm Tiến T là nhân viên bán hàng của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ S (gọi tắt là công ty S) Nhận thấy việc quản lý hàng hóa của công ty có sơ hở, nên từ tháng 01/2017, Nguyễn Sỹ L đã lén lút lấy hàng hóa của công ty bao gồm các mặt hàng văn phòng phẩm như bút, sổ, đồ dùng học tập, đồ chơi trẻ em … mang về bán lại cho các đại lý để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đến tháng 3/2017, Sỹ L nói chuyện về việc lấy hàng của công ty đồng thời rủ Thanh L và T cùng thực hiện.

Theo quy định hàng ngày nhân viên kinh doanh đến kho của công ty, nhận mẫu hàng hóa được phát để đi chào bán tại các đại lý thuộc tuyến được phân công, cuối giờ làm việc số hàng hóa chưa bán được mang về trả lại kho thông qua kế toán là chị Phạm Thu H. Chị H có kiểm tra và nhập vào sổ các mặt hàng trả lại kho tại bàn kiểm mẫu bên ngoài, sau đó cho hàng vào giỏ đặt cạnh bàn để chờ cất vào kho. Sau khi kiểm đếm, lợi dụng lúc chị H đi vào phòng kế toán để thống kê hàng hóa trên máy vi tính, T và Sỹ L đã lấy hàng ở giỏ cho vào ba lô của mình và đem về nhà. Do lo sợ bị phát hiện nên thời gian đầu Nguyễn Thanh L không tham gia. Thấy vậy, Sỹ L và T đã chủ động lấy hàng của công ty cho vào ba lô của Thanh L để Thanh L mang về nhà. Sau một vài lần thấy sự việc không bị phát hiện, Thanh L cũng trực tiếp lấy hàng của công ty đem về tiêu thụ với cách thức như nêu trên. Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 7/2017, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Sỹ L và Phạm Tiến T đã liên tục lấy tài sản của công ty S để bán lại cho các đại lý lấy tiền chi tiêu cá nhân, các đối tượng tự lấy hàng và tự đem đi tiêu thụ. Đến khoảng tháng 7/2017, công ty S chấm dứt hợp đồng lao động với Nguyễn Sỹ L và Phạm Tiến T do hiệu quả làm việc kém. Sau khi chấm dứt hợp đồng, nhân viên công ty phát hiện Phạm Tiến T vẫn đi chào bán các sản phẩm của công ty tại các cửa hàng bán lẻ nên nghi ngờ T trộm cắp hàng hóa của công ty. Tiến hành kiểm kê kho của công ty phát hiện thất thoát số lượng lớn hàng hóa với trị giá khoảng 407.371.894 đồng, ban giám đốc công ty S đã tiến hành làm việc với Nguyễn Thanh L và trình báo sự việc với cơ quan công an.

Qúa trình điều tra, Nguyễn Thanh L giao nộp 02 thùng bìa các-tông bên trong có các mặt hàng văn phòng phẩm do Thanh L lấy của công ty nhưng chưa kịp tiêu thụ. Tại Bản Kết luận định giá tài sản ngày 07/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân quận Hải An xác định giá trị số tài sản thu giữ của Nguyễn Thanh L là 8.810.000 đồng.

Gia đình Nguyễn Sỹ L giao nộp: 01 hộp bút nhãn hiệu Monami Vuriter màu xanh; 01 sổ tay Pigeon Ck2 khổ A6; 01 hộp bút chì nhãn hiệu Steadtler màu vàng và 01 hộp gọt bút chì nhãn hiệu Classmate.

Khám xét chỗ ở của Nguyễn Thanh L và Nguyễn Sỹ L không thu giữ đồ vật tài sản gì liên quan đến vụ án.

Khám xét chỗ ở của Phạm Tiến T thu giữ: 10 tập giấy nhớ mã PO-SN304, 01 tập giấy nhớ mã 30233, 01 tập nhãn vở học sinh Classmate mã CL-NT203 bao gồm 100 túi, 01 hộp đồ chơi bằng gỗ mã 60142, 02 bút máy Eras, 01 hộp bút Jeller mã 502, 10 kẹp tài liệu bằng nhựa dẻo màu trắng, 06 bút dạ đen PO-PM301-D, 46 cây keo nến màu trắng và 01 tẩy CL-ER111.

Tại các bản Kết luận định giá tài sản ngày 08/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân quận Hải An xác định giá trị số tài sản thu giữ của Nguyễn Sỹ L là 201.000 đồng, của Phạm Tiến T là 868.500 đồng.

Xác minh tại các đại lý, cửa hàng bán lẻ do Nguyễn Thanh L, Nguyễn Sỹ L và Phạm Tiến T tiêu thụ tài sản không thu giữ được các đồ vật, tài sản, tài liệu liên quan đến việc tiêu thụ tài sản.

Ngoài ra, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Sỹ L, Phạm Tiến T khai nhận: Nguyễn Thanh L lấy tài sản của công ty S trị giá khoảng 28 triệu đến 30 triệu đồng, Nguyễn Sỹ L khoảng 04 đến 05 triệu đồng, Phạm Tiến T khoảng 03 đến 3,5 triệu đồng. Các lần lấy tài sản do số lượng sản phẩm bao gồm nhiều mã hàng khác nhau, là các mặt hàng nhỏ lẻ, bán cho các đại lý không có hóa đơn nên không xác định được cụ thể các mặt hàng đã lấy của công ty.

Về vật chứng: Qúa trình điều tra, công ty S cung cấp 01 ba lô nhãn hiệu Campus màu đỏ đen là loại balo công ty phát cho các nhân viên kinh doanh để đựng sản phẩm chào bán. Chiếc balo cùng toàn bộ vật chứng thu giữ trong vụ án đã được Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là công ty S.

Về dân sự: Nguyễn Thanh L đã bồi thường cho công ty S tổng số tiền là 45.100.000 đồng. Hiện công ty S không có yêu cầu bồi thường về dân sự đối với Nguyễn Thanh L.

Bản cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 21 tháng 02 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Thanh L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Thanh L về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 173, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L mức án từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo L cho Uỷ ban nhân dân phường V, quận K, Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Không xem xét các vấn đề về vật chứng và bồi thường dân sự.

Tuyên các vấn đề về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án dân sự đối với bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải An, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng với quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 7/2017, Nguyễn Thanh L đã liên tục có hành vi lén lút lấy tài sản của công ty S là các mặt hàng thuộc lĩnh vực văn phòng phẩm để bán lại cho các đại lý lấy tiền chi tiêu cá nhân. Tổng trị giá tài sản Nguyễn Thanh L đã lấy trộm, kết luận định giá là 8.810.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tái sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức được pháp luật pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần được xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền 45.100.000 đồng. Bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết có lợi đối với người phạm tội khi bị xét xử theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử bị cáo tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 và bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo Nguyễn Thanh L được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, đến

thời điểm xét xử hành vi của bị cáo đã được khắc phục sửa chữa và không còn gây nguy hiểm cho xã hội nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo ngoài xã hội và giao bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi hiện đang cư trú giám sát, giáo dục theo Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 cũng đủ tính răn đe của pháp luật. Xét bị cáo hiện không có thu nhập, gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo và gia đình đã bồi thường cho người bị hại số tiền 45.100.000 đồng. Bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 ba lô Campus màu đỏ đen; các mặt hàng văn phòng phẩm do Nguyễn Thanh L và Nguyễn Sỹ L giao nộp; các mặt hàng văn phòng phẩm thu giữ tại nhà Phạm Tiến T, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Trong vụ án này còn có Nguyễn Sỹ L, Phạm Tiến T là những người trực tiếp lấy trộm hàng hóa của công ty S nhiều lần. Kế toán công ty là Phạm Thu H cũng có biểu hiện thiếu trách nhiệm trong việc quản lý tài sản công ty. Bản thân Nguyễn Sỹ L và Phạm Tiến T cũng thừa nhận nhiều lần lấy trộm rồi cùng gom hàng với Thanh L đem bán, chia tiền ăn tiêu. Do vậy, Hội đồng xét xử kiến nghị với cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hải An tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn Sỹ L, Phạm Tiến T và Phạm Thu H có đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản" không và cũng để tránh việc bỏ lọt tội phạm.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24(Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Nguyễn Thanh L cho Uỷ ban nhân dân phường V, quận K, Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

Tòa án, bị cáo Nguyễn Thanh L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Đã giải thích về chế định án treo cho bị cáo).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKS ND TP. Hải Phòng;
- VKS ND quận Hải An;
- Phòng PV 27 – Công an TP. Hải Phòng;
- Công an quận Hải An;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THA DS quận Hải An;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Cường